

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chính phủ không bảo lãnh đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vay vốn ngân hàng thương mại trong nước (cả ngoại tệ và bằng Đồng Việt Nam).

Trường hợp, những dự án nhất thiết cần phải có sự hỗ trợ của Nhà nước mới có thể vay vốn được, như đầu tư sản xuất giấy, phân bón và phôi thép, Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét và giao Bộ Tài chính bảo lãnh ngay trong quyết định đầu tư để chủ dự án vay vốn tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và đã giao Bộ Tài chính bảo lãnh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì vẫn tiếp tục thực hiện bảo lãnh.

Điều 2. Cho phép các ngân hàng thương mại được cho các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vay vượt 15% vốn tự có.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông số 139/2003/QĐ-BBCVT ngày 04/8/2003 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của hệ thống tổ chức Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ngày 01 tháng 4 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 75/2003/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Chánh Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của hệ thống tổ chức Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành

sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trước đây trái với Quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông

ĐỖ TRUNG TÁ

QUY ĐỊNH nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của hệ thống tổ chức Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin

(ban hành kèm theo Quyết định số 139/2003/QĐ-BBCVT ngày 04/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí, vai trò của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin

Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin được tổ chức thành hệ thống thuộc bộ máy của Bộ Bưu chính, Viễn thông, thực hiện chức năng thanh tra nhà nước và thanh tra chuyên ngành về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, điện tử, Internet, truyền dẫn phát sóng, tần số vô tuyến điện, cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia và các lĩnh vực khác trong phạm vi quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của Bộ Bưu chính, Viễn thông (sau đây gọi chung là bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin).

Thanh tra chuyên ngành về bưu chính, viễn

thông và công nghệ thông tin là một chức năng thiết yếu trong công tác quản lý nhà nước của Bộ Bưu chính, Viễn thông, là phương thức bảo đảm pháp chế, tăng cường kỷ luật trong công tác quản lý; đảm bảo các quy định của pháp luật về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin được thực hiện nghiêm chỉnh.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin đối với toàn xã hội.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Bản Quy định này quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của các tổ chức Thanh tra tại Điều 4 Nghị định số 75/2003/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

a) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ Bưu chính, Viễn thông, các tổ chức Thanh tra thuộc hệ thống Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin;

b) Các đối tượng thanh tra được quy định tại Điều 2 Nghị định số 75/2003/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.

Điều 4. Hệ thống tổ chức của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin

1. Hệ thống tổ chức:

a) Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông, trụ sở tại thành phố Hà Nội;

b) Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và

Công nghệ thông tin khu vực I, trụ sở tại thành phố Hà Nội;

c) Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực II, trụ sở tại thành phố Hồ Chí Minh;

d) Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực III, trụ sở tại thành phố Đà Nẵng;

d) Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin, trụ sở tại thành phố Hà Nội;

e) Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện, trụ sở tại thành phố Hà Nội.

2. Các tổ chức thanh tra thuộc hệ thống Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin có con dấu và tài khoản riêng theo tên gọi quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC THANH TRA BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mục 1. THANH TRA BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông

1. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về công tác thanh tra, xử lý vi phạm hành chính và khiếu nại, tố cáo về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, công tác chống tham nhũng trong ngành.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm của Bộ trình Bộ trưởng quyết định và tổ chức thực hiện sau khi Bộ trưởng phê duyệt.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Thủ trưởng

cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý nhà nước của Bộ trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thanh tra; chương trình, kế hoạch công tác, nghiệp vụ về thanh tra bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin của các tổ chức thanh tra cấp dưới.

4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; việc chấp hành chính sách, pháp luật của cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ.

5. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với các dịch vụ công do Bộ Bưu chính, Viễn thông quản lý và phân vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin thuộc Bộ quản lý theo quy định của pháp luật.

6. Thanh tra việc chấp hành pháp luật của Nhà nước, các quy trình, quy phạm và các quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, xã hội và công dân trong phạm vi cả nước theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ.

7. Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông để kiến nghị với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực khác đình chỉ việc thi hành hoặc sửa đổi, bãi bỏ những quy định do Bộ, cơ quan ngang Bộ đó ban hành trái với các văn bản quy phạm pháp luật về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; báo cáo Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông để đình chỉ thi hành và đề nghị Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ những quy định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trái với các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực do Bộ Bưu chính, Viễn thông phụ trách.

8. Tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hành vi vi phạm pháp luật về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã hoặc đang có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích Nhà

nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

9. Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin theo thẩm quyền của Thanh tra chuyên ngành được quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và các quy định khác của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

10. Giúp Bộ trưởng thực hiện công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, bao gồm việc tiếp nhận đơn, thư khiếu nại, tố cáo; xác minh, kết luận về vụ việc và kiến nghị với Bộ trưởng về biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

11. Kiến nghị Bộ trưởng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra; phát hiện và kiến nghị với Bộ trưởng những vấn đề về quản lý nhà nước cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các quy định phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước của Bộ.

12. Hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra, công tác thanh tra chuyên ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, nghiệp vụ thanh tra nhân dân cho đội ngũ thanh tra viên, cộng tác viên, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ. Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan để tuyên truyền, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng.

13. Làm đầu mối của Bộ Bưu chính, Viễn thông trong quan hệ, phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật của Trung ương và địa phương, các tổ chức thanh tra nhà nước để giải quyết các vụ việc vi phạm pháp luật về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

14. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 9, Điều 14 của Pháp lệnh Thanh tra, các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông và Tổng Thanh tra Nhà nước giao.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông

1. Quyết định thành lập Đoàn thanh tra hoặc cử Thanh tra viên tiến hành thanh tra, kiểm tra, phúc tra đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

2. Tạm đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ quyết định không đúng về công tác thanh tra của Thủ trưởng các đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ.

3. Cảnh cáo, tạm đình chỉ công tác đối với các đối tượng thanh tra thuộc phạm vi Bộ quản lý khi có hành vi cố ý gây cản trở việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra; trong trường hợp đối tượng không thuộc phạm vi quản lý thì báo cáo, đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nếu có đủ căn cứ xác định hoạt động đó đã vi phạm pháp luật về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

5. Tạm đình chỉ hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc thực hiện hoặc bãi bỏ các quyết định của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nếu quyết định đó trái pháp luật về bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và pháp luật về thanh tra.

6. Căn cứ kết luận thanh tra, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

7. Quyết định xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 38 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 75/2003/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin và các văn bản pháp luật khác có liên quan; kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan

tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm thuộc nội dung quản lý nhà nước của cơ quan đó.

8. Thực hiện các quyền hạn khác quy định tại Điều 15 Pháp lệnh Thanh tra.

**Mục 2. THANH TRA CỤC BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN KHU VỰC**

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn quản lý nhà nước của Cục trình Cục trưởng phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của Chánh Thanh tra Bộ.

2. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin; việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, mua, bán, xuất nhập khẩu thiết bị chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Bưu chính, Viễn thông đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi địa bàn và thẩm quyền quản lý của Cục.

3. Khi được yêu cầu, có trách nhiệm tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ, Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện, Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin trên địa bàn quản lý của Cục.

4. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan để tiến hành thanh tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn quản lý của Cục.

5. Thanh tra, kiểm tra các vụ việc do Cục trưởng Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực hoặc Chánh Thanh tra Bộ giao.

6. Kiến nghị Cục trưởng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra. Trường hợp kiến nghị không được chấp nhận thì có quyền bảo lưu và báo cáo Chánh Thanh tra Bộ xem xét giải quyết.

7. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn quản lý và thẩm quyền của Cục theo nguyên tắc sau:

a) Đối với các vụ việc xử phạt vi phạm hành chính về tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện hoặc quản lý chất lượng thì thông báo cho Cục Tần số vô tuyến điện hoặc Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin ngay sau khi ra quyết định xử phạt để phối hợp theo dõi;

b) Đối với các vụ việc vi phạm hành chính phức tạp về tần số vô tuyến điện hoặc về chất lượng cần phải sử dụng thiết bị kỹ thuật đo kiểm để xác định chính xác hành vi và mức độ vi phạm thì yêu cầu Cục quản lý chuyên ngành (cụ thể là các Trung tâm Kiểm soát tần số hoặc Chi Cục Quản lý chất lượng) tiến hành việc đo kiểm để xử lý vi phạm hoặc chuyển ngay hồ sơ cho các Cục Quản lý chuyên ngành tương ứng tiến hành xử lý và báo cáo Thanh tra Bộ;

c) Đối với các hành vi vi phạm hành chính vượt quá thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực thì chuyển ngay hồ sơ lên Thanh tra Bộ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành xử phạt hành chính.

8. Giúp Cục trưởng tổ chức công tác tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo của đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Cục; kiểm tra,

xác minh, kết luận và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và các tranh chấp về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn quản lý của Cục.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực

1. Chánh Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực có các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại khoản 1, 4, 5, 6 Điều 6 của Quy định này theo phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Cục.

2. Quyết định xử lý vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

Mục 3. THANH TRA CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm về lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành của Cục trình Cục trưởng phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của Chánh Thanh tra Bộ.

2. Chủ trì thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông về tần số vô tuyến điện, truyền dẫn phát sóng, quỹ đạo vệ tinh và tương thích điện từ trường đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước.

3. Khi được yêu cầu, có trách nhiệm tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ, Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực, Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.

4. Thanh tra, kiểm tra các vụ việc do Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện và Chánh Thanh tra Bộ giao.

5. Kiến nghị Cục trưởng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra. Trường hợp kiến nghị không được chấp nhận thì có quyền bảo lưu và báo cáo Chánh Thanh tra Bộ xem xét giải quyết.

6. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan để tiến hành thanh tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý, sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện.

7. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và xử phạt vi phạm hành chính về các vi phạm trong lĩnh vực quản lý, sử dụng thiết bị thu phát sóng và tần số vô tuyến điện theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Cục.

Trường hợp các hành vi vi phạm hành chính phải xử phạt mức cao hơn thẩm quyền của Thanh tra Cục thì chuyển ngay hồ sơ về Thanh tra Bộ để tiến hành xử phạt hành chính.

8. Giúp Cục trưởng tổ chức công tác tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo đối với đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Cục; kiểm tra, xác minh, kết luận và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp về lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Cục theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện

1. Chánh Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện có các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại khoản 1, 4, 5, 6 Điều 6 của Quy định này theo phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước của Cục.

2. Quyết định xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện theo quy định của pháp luật.

Mục 4. THANH TRA CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác thanh tra hàng năm về quản lý chất lượng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin trình Cục trưởng phê duyệt sau khi có ý kiến thống nhất của Chánh Thanh tra Bộ.

2. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ Bưu chính, Viễn thông về lĩnh vực quản lý chất lượng: sản phẩm, thiết bị, công trình, mạng, kết nối mạng, dịch vụ bưu chính, viễn thông, điện tử, công nghệ thông tin và Internet đối với các tổ chức, cá nhân trong phạm vi cả nước.

3. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định tại Điều 46 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chất lượng: sản phẩm, thiết bị, công trình, mạng, kết nối mạng, dịch vụ bưu chính, viễn thông, điện tử, công nghệ thông tin và Internet theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Cục;

Trường hợp các hành vi vi phạm hành chính phải xử phạt mức cao hơn thẩm quyền của Thanh tra Cục thì chuyển ngay hồ sơ về Thanh tra Bộ để tiến hành xử phạt hành chính.

4. Khi được yêu cầu, có trách nhiệm tham gia các đoàn thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ, Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện, Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực.

5. Thanh tra, kiểm tra các vụ việc do Cục

trưởng Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin và Chánh Thanh tra Bộ giao.

6. Kiến nghị Cục trưởng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra. Trường hợp kiến nghị không được chấp nhận thì có quyền bảo lưu và báo cáo Chánh Thanh tra Bộ xem xét giải quyết.

7. Giúp Cục trưởng tổ chức công tác tiếp công dân, xử lý khiếu nại, tố cáo đối với đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Cục; kiểm tra, xác minh, kết luận và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp về lĩnh vực quản lý của Cục theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin

1. Chánh Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin có các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại khoản 1, 4, 5, 6 Điều 6 của Quy định này theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Cục.

2. Quyết định xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực quản lý chất lượng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

Mục 5. CÁC CHỨC VỤ, CHỨC DANH THUỘC HỆ THỐNG THANH TRA BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 13. Bổ nhiệm các chức vụ thuộc hệ thống Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin

1. Chánh Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông do Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông đề nghị Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm.

2. Phó Chánh Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông do Chánh Thanh tra Bộ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị và trình Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông bổ nhiệm.

3. Chánh Thanh tra các Cục thuộc Bộ do Cục trưởng đề nghị, Chánh Thanh tra Bộ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông bổ nhiệm.

4. Phó Chánh Thanh tra các Cục thuộc Bộ do Cục trưởng bổ nhiệm sau khi có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Chánh Thanh tra Bộ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

5. Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thanh tra thuộc Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông do Chánh Thanh tra Bộ đề nghị và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông bổ nhiệm.

Điều 14. Thanh tra viên thuộc hệ thống Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin

1. Thanh tra viên là công chức được phân công làm công tác thanh tra tại các tổ chức thanh tra thuộc hệ thống Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin, được bổ nhiệm theo Quy chế Thanh tra viên ban hành theo Nghị định số 191/HĐBT ngày 18 tháng 6 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc ban hành Quy chế Thanh tra viên và các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, cụ thể như sau:

a) Bổ nhiệm Thanh tra viên (cấp 1):

Công chức làm công tác thanh tra có thời gian từ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự đối với công chức mới được tuyển dụng) hoặc có thời gian từ 01 năm trở lên (đối với công chức đang công tác ở các cơ quan Đảng, Nhà nước, đơn vị vũ trang chuyển sang làm công tác thanh tra) có đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 191/HĐBT ngày 18/6/1991 và Quyết định số 818/TCCB-CP ngày 21/10/1993 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức

ngành Thanh tra Nhà nước, được Cục trưởng đề nghị (tại Thanh tra Cục) hoặc Chánh Thanh tra Bộ đề nghị (tại Thanh tra Bộ) và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trình Hội đồng xét duyệt và đề nghị Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông bổ nhiệm.

b) Bổ nhiệm Thanh tra viên chính (cấp 2):

- Công chức đã được xếp ngạch chuyên viên chính, kỹ sư chính, nghiên cứu viên chính hoặc các ngạch chức danh tương đương được phân công làm công tác thanh tra có thời gian từ 01 năm trở lên và đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch Thanh tra viên chính thì Cục trưởng đề nghị (tại Thanh tra Cục) hoặc Chánh Thanh tra Bộ đề nghị (tại Thanh tra Bộ), Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng xét duyệt và trình Tổng Thanh tra Nhà nước bổ nhiệm.

- Công chức có thâm niên ở ngạch Thanh tra viên từ 09 năm trở lên, có bậc lương tối thiểu 5/10 (hệ số lương 2,97) hoặc chuyên viên có bậc lương tối thiểu 5/10 (hệ số lương 2,97) và có thời gian làm công tác thanh tra từ 01 năm trở lên, có đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 191/HĐBT ngày 18/6/1991 và Quyết định số 818/TCCB-CP ngày 21/10/1993, được Cục trưởng đề nghị (tại Thanh tra Cục) hoặc Chánh Thanh tra Bộ đề nghị (tại Thanh tra Bộ) và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng xét duyệt, đề nghị dự kỳ thi nâng ngạch của Thanh tra Nhà nước, Tổng Thanh tra Nhà nước bổ nhiệm sau khi đã đạt kết quả của kỳ thi nâng ngạch.

c) Bổ nhiệm Thanh tra viên cao cấp (cấp 3):

Thanh tra viên chính có thâm niên ở ngạch Thanh tra viên chính từ 06 năm trở lên, có bậc lương 4/9 (hệ số lương 4,29), có đủ tiêu chuẩn nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 191/HĐBT ngày 18/6/1991 và Quyết định số 818/TCCB-CP ngày 21/10/1993, được Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trình Bộ trưởng xét duyệt và đề nghị dự kỳ thi nâng ngạch của Thanh tra Nhà nước, Tổng

Thanh tra Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm sau khi đã đạt kết quả của kỳ thi nâng ngạch.

2. Thanh tra viên các cấp, sau khi được bổ nhiệm được hưởng lương ngạch thanh tra, được cấp thẻ Thanh tra viên và hưởng các chính sách đối với Thanh tra viên.

3. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm Thanh tra viên ở cấp nào thì có thẩm quyền miễn nhiệm Thanh tra viên ở cấp đó.

4. Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện, Thanh tra Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin được bố trí Thanh tra viên tại các Trung tâm Kiểm soát tần số khu vực và Chi cục Quản lý chất lượng khu vực.

Mối quan hệ công tác giữa Thanh tra Cục với các Trung tâm Kiểm soát tần số khu vực và các Chi cục Quản lý chất lượng khu vực do Cục trưởng quy định.

5. Thanh tra viên thuộc hệ thống Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin được cấp trang phục thanh tra theo Nghị định số 191/HĐBT ngày 18/6/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc ban hành Quy chế Thanh tra viên và Thông tư liên Bộ số 01/TT-LB ngày 16/9/1991 của Thanh tra Nhà nước và Bộ Tài chính. Quy cách, màu sắc trang phục do Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra Nhà nước.

Chương III

QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỆ THỐNG TỔ CHỨC THANH TRA BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điều 15. Quan hệ công tác của Thanh tra Bộ và Thanh tra các Cục thuộc Bộ

1. Thanh tra Bộ có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn về toàn bộ hoạt động công tác và nghiệp vụ thanh tra đối với Thanh tra các Cục thuộc Bộ;

b) Chủ trì các cuộc thanh tra diện rộng hoặc các cuộc thanh tra chuyên đề, thanh tra các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có phạm vi hoạt động trên địa bàn liên khu vực hoặc liên quan giữa các Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực với Cục Tần số vô tuyến điện hoặc Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin;

c) Phê duyệt chương trình thanh tra, kiểm tra hàng năm của Thanh tra các Cục vào đầu tháng 11 năm trước; điều phối các cuộc thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Bộ, Thanh tra các Cục đảm bảo không xảy ra chồng chéo về nội dung, thời gian và đối tượng thanh tra.

2. Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực có trách nhiệm:

a) Trường hợp nội dung thanh tra, kiểm tra với đối tượng mà có phạm vi liên quan đến địa bàn quản lý của các Cục khu vực khác thì đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Thanh tra Bộ thành lập Đoàn thanh tra phối hợp giữa các Cục để tiến hành thanh tra hoặc kiểm tra;

b) Trường hợp nội dung thanh tra, kiểm tra chỉ chuyên sâu về tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện hoặc về chất lượng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin thì kiến nghị Thanh tra các Cục chuyên ngành chủ trì đồng thời phối hợp tham gia thực hiện;

c) Phối hợp với Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện hoặc thanh tra Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin để xử lý vi phạm.

3. Thanh tra Cục Tần số vô tuyến điện và Thanh

tra Cục Quản lý chất lượng Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin có trách nhiệm:

a) Thông báo nội dung các cuộc thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất cho Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực liên quan biết trước 05 ngày (trừ trường hợp đặc biệt) khi tiến hành thanh tra, kiểm tra đối với các đối tượng trên địa bàn quản lý của Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực để theo dõi hoặc phối hợp khi cần thiết;

b) Thông báo việc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính xảy ra trên địa bàn quản lý tương ứng của các Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực biết để phối hợp theo dõi việc chấp hành quyết định xử phạt và báo cáo Thanh tra Bộ;

c) Phối hợp với Thanh tra Cục Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin khu vực để thực hiện đo kiểm đối với hành vi vi phạm có tình tiết phức tạp về tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện hoặc về chất lượng để tiến hành xử lý vi phạm.

4. Thanh tra các Cục thuộc Bộ có trách nhiệm:

a) Xây dựng chương trình kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm và báo cáo Thanh tra Bộ vào giữa tháng 10 của năm trước để Thanh tra Bộ xem xét, điều phối trước khi trình Cục trưởng phê duyệt;

b) Thực hiện chế độ báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, các vụ việc đã xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết khiếu nại, tố cáo về Thanh tra Bộ theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất theo đúng quy định về chế độ báo cáo.

Điều 16. Quan hệ của các tổ chức Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin với các cơ quan, đơn vị có liên quan khác

1. Thanh tra Bộ có trách nhiệm:

a) Phối hợp hoặc thông báo với Thanh tra các

Bộ, ngành Trung ương hoặc địa phương liên quan về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra theo quy định của pháp luật;

b) Quan hệ, phối hợp với các cơ quan Thanh tra Nhà nước, Thanh tra chuyên ngành khác để xử lý các nội dung thanh tra, kiểm tra chéo đối với các tổ chức, doanh nghiệp thuộc đối tượng quản lý nhà nước của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

c) Phối hợp với cơ quan Công an, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân các cấp và các cơ quan nhà nước hữu quan khác trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong lĩnh vực hoạt động bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin. Nếu phát hiện hành vi của tổ chức, cá nhân có dấu hiệu cấu thành tội phạm phải chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra hình sự có thẩm quyền xử lý.

2. Thanh tra các Cục thuộc hệ thống Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin trong quá trình công tác có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan Thanh tra Nhà nước, Thanh tra chuyên ngành khác hoặc các cơ quan bảo vệ pháp luật ở địa phương để ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm về bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

3. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các vụ chức năng và đơn vị nghiệp vụ thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Thanh tra Bộ để tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm;

b) Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan cho Thanh tra các Cục để phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm./.

Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông

ĐỖ TRUNG TÁ